

Nguyễn Thu Hà, CFA

hant4@ssi.com.vn

+84 24 3936 6321 ext. 8708

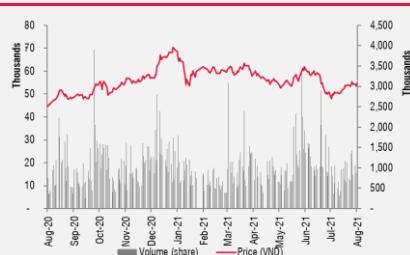
Ngày 19/08/2021

NGÀNH TÀI CHÍNH

Các chỉ số chính

Giá trị vốn hoá (triệu USD)	1.779
Giá trị vốn hoá (tỷ VND)	40.605
Số cổ phiếu lưu hành (triệu)	742
Giá Cao/thấp nhất trong 52 tuần ('000 VND)	71,2/44,5
KLGD trung bình 3 tháng (cp)	1.107.597
KLGD trung bình 3 tháng (triệu USD)	2,70
KLGD trung bình 3 tháng (tỷ đồng)	61,69
Tỷ lệ sở hữu nước ngoài (%)	26,92
Tỷ lệ sở hữu nhà nước (%)	67,98
Tỷ lệ sở hữu BLĐ (%)	N.a

Biến động giá cổ phiếu



Nguồn: Bloomberg

Thông tin cơ bản về công ty

Tập đoàn Bảo Việt được thành lập vào ngày 15/01/1965, là tập đoàn bảo hiểm hàng đầu tại Việt Nam và là công ty bảo hiểm đa ngành duy nhất trên thị trường. Hiện nay, công ty đã nâng vốn điều lệ lên 6.805 tỷ đồng. Bộ Tài chính (MoF) là cổ đông lớn nhất, với 71% cổ phần, tiếp theo đó là Tập đoàn Sumitomo Life (nhà bảo hiểm nhân thọ hàng đầu tại Nhật Bản về tổng tài sản và thị phần doanh thu phí bảo hiểm) với 18% cổ phần. Mạng kinh doanh chính là Bảo hiểm Nhân thọ và Bảo hiểm Toàn diện, Ngân hàng, Quản lý Quỹ, Chứng khoán và Quản lý Đầu tư Bất động sản thông qua 6 công ty con. Trong năm 2014, mảng bảo hiểm nhân thọ chiếm 42% tổng doanh thu hợp nhất, mảng phi nhân thọ chiếm 32% và đầu tư tài chính chiếm 19% tổng doanh thu hợp nhất.

Cơ hội tích lũy cổ phiếu cho năm 2022

Chúng tôi đưa ra khuyến nghị TRUNG LẬP đối với cổ phiếu BVH trong 6 tháng cuối năm 2021 mặc dù chúng tôi giữ nguyên giá mục tiêu 1 năm là 71.000 đồng/cổ phiếu. Chúng tôi coi đầu tư vào BVH là cơ hội tham gia vào thị trường bảo hiểm nhân thọ đầy tiềm năng ở Việt Nam. BVH đang giao dịch ở mức thấp hơn so với mức trung bình lịch sử do môi trường lãi suất hiện tại đang ở mức thấp và chúng tôi cho rằng đây là cơ hội cho các nhà đầu tư dài hạn. Theo ước tính của chúng tôi, tăng trưởng lợi nhuận 6 tháng cuối năm 2021 so với cùng kỳ có thể không được thuận lợi. Tuy nhiên, LNTT năm 2022 dự báo tăng trở lại +27% so với cùng kỳ. Do đó, chúng tôi cho rằng nhà đầu tư có thể cân nhắc tích lũy BVH trong nửa cuối năm 2021 ở vùng giá thấp.

Yếu tố tác động giảm khuyến nghị: Lãi suất và lợi suất TPCP giảm nhiều hơn dự kiến và ý kiến loại trừ của kiểm toán trong BCTC năm 2020 và nửa đầu năm 2021.

Yếu tố hỗ trợ tăng khuyến nghị: Lợi suất TPCP tăng mạnh hơn dự kiến.

Bảng: Tóm tắt kết quả kinh doanh (tỷ đồng)

	2Q 2021	2Q 2020	% YoY
Doanh thu phí bảo hiểm gốc	9.798	8.818	11,1%
<i>Bảo hiểm nhân thọ</i>	7.707	6.650	15,9%
<i>Bảo hiểm phi nhân thọ</i>	2.092	2.169	-3,6%
Lợi nhuận thuần hoạt động bảo hiểm	-1.417	-1.839	-23,0%
<i>Bảo hiểm nhân thọ</i>	-1.334	-1.866	-28,5%
<i>Bảo hiểm phi nhân thọ</i>	-85	-63	35,4%
Lợi nhuận tài chính	2.101	2.578	-18,5%
<i>Bảo hiểm nhân thọ</i>	1.511	2.044	-26,0%
<i>Bảo hiểm phi nhân thọ</i>	139	147	-5,8%
Lợi nhuận trước thuế	510	617	-17,3%
<i>Bảo hiểm nhân thọ</i>	185	190	-2,7%
<i>Bảo hiểm phi nhân thọ</i>	56	88	-36,3%
Lợi nhuận ròng thuộc về cổ đông công ty mẹ (NPATMI)	420	508	-17,4%
Tỷ lệ bồi thường (phi nhân thọ)	44%	40%	
Tỷ lệ kết hợp (phi nhân thọ)	104%	103%	
ROI	6,6%	8,9%	

Nguồn: BVH, SSI Research

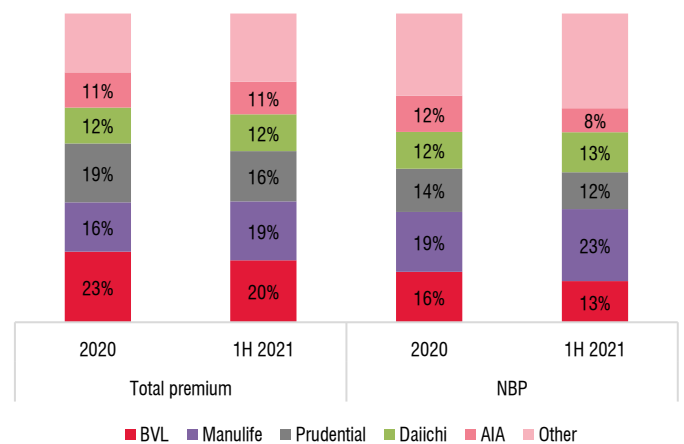
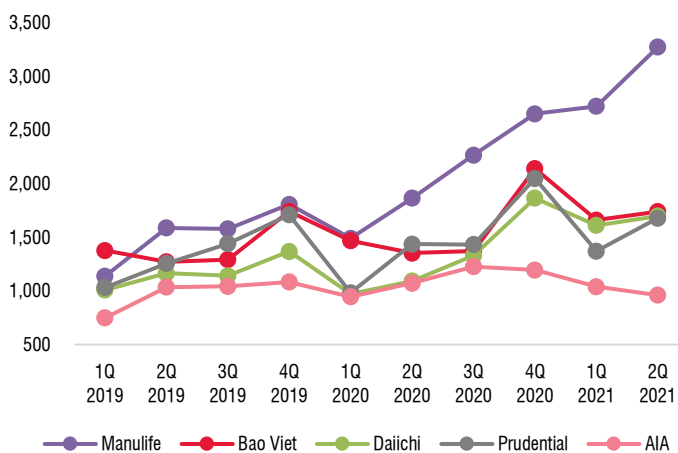
Tăng trưởng lợi nhuận của BVH tương đối trỗi sụt giữa Q1 và Q2/2021 do tác động của trích lập và hoàn nhập dự phòng với các khoản đầu tư cổ phiếu. Trong Q2/2021, mặc dù lợi nhuận hoạt động bảo hiểm cải thiện nhưng lợi nhuận từ đầu tư giảm khiến kết quả tổng thể giảm xuống. NPATMI giảm -17,4% so với cùng kỳ. Trong 6 tháng đầu năm 2021, BVH đạt 19 nghìn tỷ đồng doanh thu phí bảo hiểm (GWP) và 889 tỷ đồng NPATMI, lần lượt tăng 9,5% và 41,7% so với cùng kỳ.

Lợi nhuận hoạt động bảo hiểm nhân thọ cải thiện

Doanh thu phí khai thác mới và tổng doanh thu phí bảo hiểm tại Baoviet Life (BVL) lần lượt đạt 1,7 nghìn tỷ đồng (+29% so với cùng kỳ) và 7,7 nghìn tỷ đồng (+16% so với cùng kỳ). Công ty tiếp tục tập trung vào các sản phẩm bảo hiểm liên kết chung (UVL) để giữ biên lợi nhuận khai thác mới (NBM) ở mức hợp lý. Trong 6 tháng đầu năm 2021, phí bảo hiểm từ các sản phẩm UVL tăng +28% so với cùng kỳ, trong khi phí bảo hiểm từ các sản phẩm hỗn hợp (endowment) giảm -6% so với cùng kỳ. Theo đó, cơ cấu sản phẩm giữa UVL và endowment lần lượt là 71% và 25% (so với 64% và 31% trong 6 tháng đầu năm 2020). Theo quan điểm của chúng tôi, tăng trưởng doanh thu của BVL ở mức khá (mặc dù thấp hơn so với các công ty cùng ngành) và chúng tôi cho rằng thị trường bảo hiểm nhân thọ Việt Nam sẽ có thể có sự xáo trộn về thị phần trong nửa cuối năm 2021.

Tuy nhiên, về khả năng sinh lời, BVL vẫn đang duy trì đúng hướng, với NBM ở mức trên 20% và lỗ ròng phí bảo hiểm trong tầm kiểm soát, ở mức -1,3 nghìn tỷ đồng (so với -1,87 nghìn tỷ đồng trong Q2/2020). Sự cải thiện về kết quả hoạt động bảo hiểm là nhờ kiểm soát được dự phòng toán học (+4% so với cùng kỳ) và chi phí bán hàng & quản lý (+3% so với cùng kỳ).

Doanh thu phí bảo hiểm khai thác mới (NBP) của các công ty bảo hiểm nhân thọ Thị phần bảo hiểm nhân thọ



Nguồn: BVH, SSI Research

Nguồn: AVI, SSI Research

Tỷ lệ kết hợp nhích lên mặc dù tỷ lệ bồi thường cải thiện

Tại công ty con bảo hiểm phi nhân thọ (BVGI), tỷ lệ bồi thường được quản lý tương đối tốt và tiếp tục xu hướng giảm còn 44% (so với 50% trong năm 2020 và 45% trong Q1/2021), do tỷ trọng bảo hiểm xe cơ giới giảm. Doanh thu phí bảo hiểm xe cơ giới trên tổng doanh thu phí giảm xuống 24% trong Q2/2021 (so với 27% trong năm 2020 và 33% trong năm 2016).

Tuy nhiên, chi phí SG&A không đạt kỳ vọng của chúng tôi và khiến tỷ lệ kết hợp tăng lên 104% (so với 103% trong Q1/2021). Chúng tôi có nhận thấy một khoản chi phí dự phòng trên 100 tỷ đồng trong SG&A, đây có thể là chi

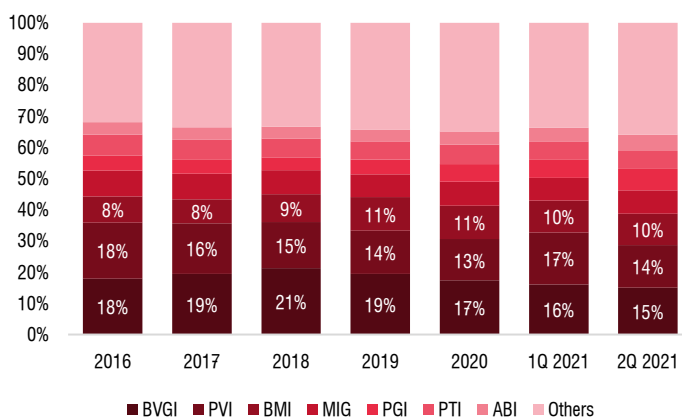
phí trích trước để đề phòng cho trường hợp xấu đi của dịch Covid-19. Nếu trường hợp này xảy ra, tỷ lệ kết hợp sẽ là 99% (không bao gồm khoản dự phòng này).

Bảng: Các công ty bảo hiểm đang giảm tỷ trọng của bảo hiểm xe cơ giới trong tổng doanh thu phí

	Bao Viet	PVI	PTI	BMI	PGI	MIG	BIC	ABI	Market
Motor	-9%	-10%	-14%	-7%	0%	5%	-10%	0%	-3%
Health PA	8%	5%	16%	10%	2%	9%	21%	-3%	3%
PC & Fire	3%	11%	4%	1%	6%	0%	-6%	3%	4%
Cargo	-2%	0%	-1%	0%	0%	-4%	-2%	0%	-2%
Marine	-2%	-3%	-1%	-5%	-8%	-8%	-1%	0%	-2%
Other	0%	-3%	-3%	0%	0%	-3%	-2%	0%	0%

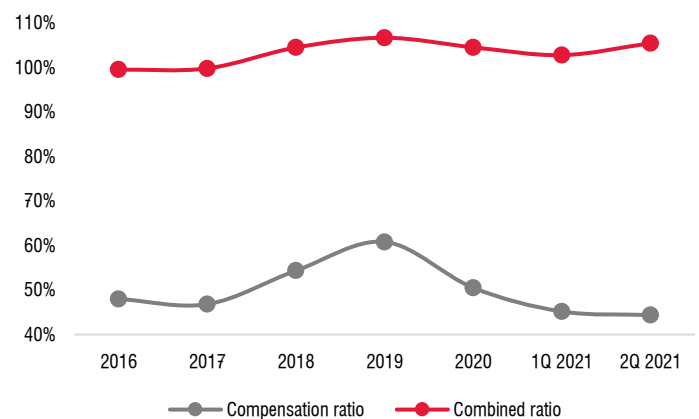
Nguồn: Công ty, SSI Research

Thị phần bảo hiểm phi nhân thọ



Nguồn: AVI, SSI Research

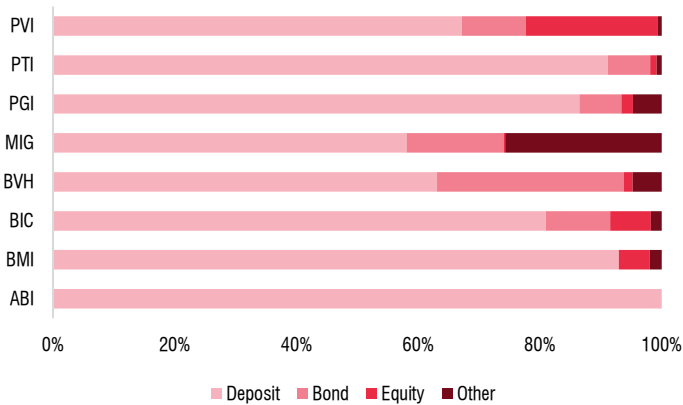
Tỷ lệ bồi thường dần cải thiện



Nguồn: BVH, SSI Research

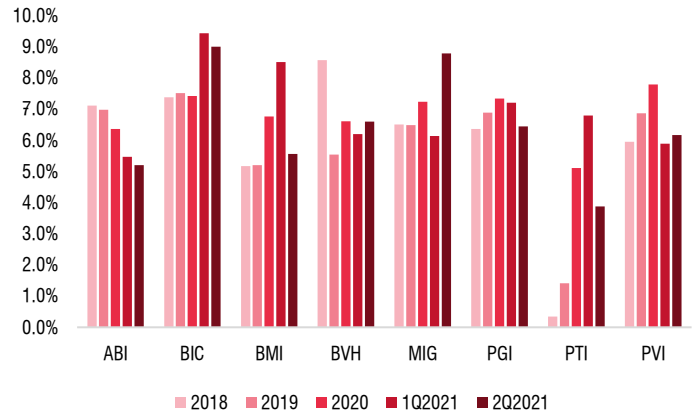
ROI cải thiện 40 điểm cơ bản so với quý trước lên 6,6% do công ty tăng cường phân bổ tiền gửi dài hạn. Tại thời điểm cuối Q2/2021, danh mục đầu tư đã tăng lên 131,9 nghìn tỷ đồng (tăng 3,7 nghìn tỷ đồng so với quý trước), trong đó tiền gửi ngân hàng là 83 nghìn tỷ đồng (+706 tỷ đồng so với quý trước) và trái phiếu là 40 nghìn tỷ đồng (+2,88 nghìn tỷ đồng so với quý trước). Phần lớn danh mục trái phiếu tăng là do phân bổ thêm vào trái phiếu chính phủ có lợi suất giảm dần trong thời gian gần đây. Do đó, chúng tôi cho rằng ROI cải thiện đến từ việc giảm tiền gửi ngắn hạn và tăng tiền gửi dài hạn (+6 nghìn tỷ đồng so với quý trước). So với các công ty cùng ngành, BVH có ROI cao thứ 3 (sau BIC và MIG) do các công ty bảo hiểm phi nhân thọ có thể linh hoạt hơn trong phân bổ tài sản so với các công ty bảo hiểm nhân thọ. Phần lớn danh mục đầu tư của các công ty bảo hiểm nhân thọ được phân bổ vào trái phiếu chính phủ có lợi suất thấp.

Cơ cấu danh mục đầu tư của các công ty bảo hiểm



Nguồn: Công ty, SSI Research

ROI của các công ty bảo hiểm



Nguồn: Công ty, SSI Research

Ước tính và định giá

Lũy kế 6 tháng đầu năm 2021, NPATMI của BVH đã đạt 58% ước tính năm 2021 của chúng tôi. Trong nửa cuối năm 2021, chúng tôi cho rằng tăng trưởng doanh thu phí bảo hiểm có thể bị ảnh hưởng bởi đợt bùng phát dịch Covid-19 lần thứ 4 vì phần lớn sản phẩm vẫn được phân phối bởi bán hàng trực tiếp và đại lý. Đối với BVGI, khoảng 72% được bán thông qua hình thức bán hàng trực tiếp và đại lý. Trong khi đó đối với BVL, tỷ trọng này ở mức 99%. Kênh trực tuyến chỉ chiếm lần lượt 8% và 1% doanh thu phí bảo hiểm phi nhân thọ và nhân thọ. BVH đã triển khai nhiều giải pháp khác nhau để đối phó với tình hình hiện tại, bao gồm nền tảng bán hàng trực tuyến, cấp đơn bảo hiểm trực tuyến, esign, eclam (bồi thường trực tuyến) và chuẩn bị triển khai core bảo hiểm mới của BVL để phục vụ kinh doanh và quản trị online... Tuy nhiên, theo quan điểm của chúng tôi, sẽ mất nhiều thời gian hơn để các giải pháp này có thể tạo ra sự thúc đẩy tăng trưởng doanh thu. Về lợi nhuận ròng, chúng tôi tin rằng công ty vẫn còn dư địa để tối ưu hóa chi phí trong trường hợp doanh thu giảm. Theo đó, chúng tôi duy trì ước tính NPATMI cho năm 2021 và 2022 lần lượt là **1,5 nghìn tỷ đồng (-2% so với cùng kỳ) và 1,9 nghìn tỷ đồng (+27% so với cùng kỳ)**, đồng thời đưa ra khuyến nghị **TRUNG LẬP** đối với cổ phiếu BVH.

PHỤ LỤC: BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM

Triệu đồng	2018	2019	2020	2021F	2022F
Bảng cân đối kế toán					
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.159.931	4.746.231	6.780.611	5.249.225	5.790.661
Đầu tư ngắn hạn	55.406.654	63.080.541	73.754.152	77.116.552	86.778.439
Các khoản phải thu	7.565.806	8.132.376	9.235.660	10.111.143	11.419.648
Hàng tồn kho	149.072	118.150	122.044	134.249	147.674
Tài sản ngắn hạn khác	697.833	722.100	667.312	1.128.181	1.267.589
Tài sản tái bảo hiểm	3.340.281	3.042.461	2.231.804	2.105.669	2.163.753
Tài sản cố định	1.663.486	1.885.053	1.787.692	1.734.061	1.820.764
Bất động sản đầu tư	45.389	45.389	45.389	45.389	45.389
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	40.997.386	45.614.646	51.803.211	59.112.323	71.000.541
Tài sản dài hạn khác	1.128.891	866.918	855.551	969.951	1.068.247
Tổng tài sản	113.154.729	128.253.864	147.283.427	157.706.743	181.502.705
Nợ ngắn hạn	25.776.544	20.772.947	20.680.649	9.591.744	7.675.092
Nợ dài hạn	639.231	854.200	567.434	277.739	306.386
Dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm	71.273.953	86.822.678	105.266.469	126.146.959	150.627.391
Dự phòng phí chưa được hưởng	5.101.504	5.245.331	4.969.856	5.154.210	5.476.268
Dự phòng toán học	60.315.142	75.648.989	93.098.004	115.944.953	139.521.953
Dự phòng bồi thường	3.127.068	2.968.195	2.568.178	2.667.827	2.832.509
Dự phòng dao động lớn	71.690	43	35.630	112.263	248.980
Dự phòng chia lãi	2.542.873	2.864.473	4.488.245	2.161.152	2.441.125
Dự phòng đảm bảo cân đối	115.677	95.648	106.556	106.555	106.555
Tổng nợ phải trả	97.689.728	108.449.825	126.514.551	136.016.442	158.608.870
Vốn	14.772.224	19.068.983	20.013.878	20.778.334	21.887.803
Vốn điều lệ	7.008.864	7.423.228	7.423.228	7.423.228	7.423.228
Thặng dư vốn cổ phần	3.713.081	7.310.459	7.310.459	7.310.459	7.310.459
Cổ phiếu quỹ	0	0	0	0	0
Quý khác thuộc vốn chủ sở hữu	103.569	103.569	103.569	103.569	103.569
Chênh lệch tỷ giá	15.445	15.445	15.445	15.445	15.445
Quý đầu tư phát triển	631.339	801.169	967.381	1.160.196	1.362.652
Quý dự phòng tài chính	0	0	0	0	0
Quý dự trữ bắt buộc	427.659	473.031	523.602	574.191	636.363
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	2.872.268	2.942.082	3.670.195	4.191.246	5.036.086
Tổng nguồn vốn	15.465.001	19.804.039	20.768.876	21.690.301	22.893.835
Lợi ích cổ đông thiểu số	692.776	735.056	754.997	911.967	1.006.033
Tổng nợ phải trả, vốn chủ sở hữu và lợi ích thuộc cổ đông thiểu số	113.154.729	128.253.864	147.283.427	157.706.743	181.502.705

Tăng trưởng					
Dự phòng bảo hiểm kỹ thuật	30,8%	21,8%	21,2%	19,8%	19,4%
Đầu tư	28,6%	12,7%	15,5%	8,5%	15,8%
Tổng tài sản	23,8%	13,3%	14,8%	7,1%	15,1%
Vốn chủ sở hữu	6,9%	28,1%	4,9%	4,4%	5,5%
Doanh thu phí bảo hiểm gốc	22,9%	14,0%	5,5%	9,5%	10,3%
Thu phí nhận tái bảo hiểm	-7,5%	-7,0%	-21,7%	10,0%	10,0%
Chuyển phí nhượng tái bảo hiểm	66,5%	6,2%	21,7%	-5,6%	2,8%
Lợi nhuận ròng hoạt động kinh doanh bảo hiểm	-167,9%	33,2%	-44,2%	-9,3%	-5,5%
Thu nhập tài chính ròng	69,2%	-22,5%	36,0%	5,9%	9,8%
Lợi nhuận trước thuế	-28,2%	8,3%	25,7%	-0,7%	22,9%
Lợi nhuận sau thuế	-28,7%	6,6%	30,0%	-2,4%	22,9%

Định giá					
PER	59,63	40,46	31,72	26,75	21,77
PBR	4,17	2,67	2,45	1,94	1,84
Tỷ suất cổ tức	1,14%	1,46%	1,52%	1,84%	1,84%

Cơ cấu tài sản					
Tiền và các khoản tương đương tiền	1,9%	3,7%	4,6%	3,3%	3,2%
Đầu tư	85,2%	84,8%	85,2%	86,4%	86,9%
Tài sản tái bảo hiểm	3,0%	2,4%	1,5%	1,3%	1,2%
Khác	9,9%	9,2%	8,6%	9,0%	8,7%

Triệu đồng	2018	2019	2020	2021F	2022F
Báo cáo kết quả kinh doanh					
Doanh thu phí bảo hiểm gốc	31.360.102	35.748.173	37.707.791	41.282.258	45.540.356
Nhân thọ	21.507.292	25.451.556	28.019.834	31.289.044	34.956.149
Phi nhân thọ	9.852.923	10.296.617	9.689.113	9.993.215	10.584.207
Thu phí nhận tái bảo hiểm	246.198	228.918	179.221	197.143	216.857
Tăng/(giảm) dự phòng phí bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	-102.124	127.633	-357.147	-214.658	-267.922
Chuyển phí nhượng tái bảo hiểm	-3.176.401	-3.374.389	-4.105.309	-3.875.419	-3.983.816
Doanh thu phí bảo hiểm thuần	28.327.775	32.730.335	33.424.556	37.389.324	41.505.475
Hoa hồng và thu nhập khác	738.036	578.801	1.059.308	1.046.390	1.088.052
Tổng doanh thu thuần từ hoạt động kinh doanh bảo hiểm	29.065.810	33.309.136	34.483.864	38.435.715	42.593.527
Tổng chi bồi thường bảo hiểm	-25.351.224	-27.729.460	-29.656.914	-33.003.497	-36.386.774
Bồi thường thuộc trách nhiệm giữ lại	-9.774.009	-11.891.326	-10.757.111	-11.326.753	-12.369.065
Tăng/giảm dự phòng toán học	-15.217.659	-15.630.921	-19.097.313	-21.510.006	-23.883.920
Tăng/(giảm) dự phòng bồi thường	-359.556	-207.213	197.510	-166.739	-133.789
Tổng chi bồi thường bảo hiểm	-6.351.715	-6.344.771	-7.227.728	-8.031.264	-8.829.766
Lợi nhuận gộp hoạt động kinh doanh bảo hiểm	-2.637.129	-765.095	-2.400.778	-2.599.047	-2.623.012
Chi phí quản lý doanh nghiệp	-3.456.342	-3.517.026	-3.538.905	-3.800.213	-4.155.143
Lợi nhuận thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm	-5.552.331	-3.706.746	-5.343.639	-5.841.385	-6.162.738
Lợi nhuận tài chính	7.339.882	5.686.558	7.736.080	8.190.547	8.992.861
Lợi nhuận trước thuế	1.395.555	1.511.729	1.900.839	1.886.606	2.318.589
Dự phòng đảm bảo cân đối	-40.844	20.029	-84.748	-10.568	-14.662
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm	-232.018	-269.024	-303.883	-328.726	-403.996
Lợi nhuận sau thuế	1.163.537	1.242.705	1.596.957	1.557.880	1.914.593
Lợi ích của cổ đông thiểu số	49.043	54.245	52.383	51.101	62.802
Lợi nhuận sau thuế của chủ sở hữu, tập đoàn	1.114.494	1.188.460	1.544.574	1.506.779	1.851.791

Hệ số

Biên khả năng thanh toán					
Nhân thọ	106,0%	n/a	n/a	n/a	n/a
Phi nhân thọ	105,0%	n/a	n/a	n/a	n/a
Tỷ lệ bồi thường	87,2%	83,2%	86,0%	85,9%	85,4%
Tỷ lệ kết hợp	119,1%	111,1%	115,5%	115,2%	114,5%
Danh mục đầu tư/ vốn chủ sở hữu	6,2	5,5	6	6,3	6,9
Danh mục đầu tư/ dự phòng	1,4	1,3	1,2	1,1	1
Tài sản/ vốn chủ sở hữu	7,3	6,5	7,1	7,3	7,9
ROA – trung bình	1,1%	1,0%	1,1%	1,0%	1,1%
ROE – trung bình	7,4%	6,7%	7,6%	7,1%	8,3%

Nguồn: BVH, SSI Research ước tính

KHUYẾN CÁO

Các thông tin, tuyên bố, dự đoán trong bản báo cáo này, bao gồm cả các nhận định cá nhân, là dựa trên các nguồn thông tin tin cậy, tuy nhiên SSI không đảm bảo sự chính xác và đầy đủ của các nguồn thông tin này. Các nhận định trong bản báo cáo này được đưa ra dựa trên cơ sở phân tích chi tiết và cẩn thận, theo đánh giá chủ quan của chúng tôi, là hợp lý trong thời điểm đưa ra báo cáo. Các nhận định trong báo cáo này có thể thay đổi bất kỳ lúc nào mà không báo trước. Báo cáo này không nên được diễn giải như một đề nghị mua hay bán bất cứ một cổ phiếu nào. SSI và các công ty con; cũng như giám đốc, nhân viên của SSI và các công ty con có thể có lợi ích trong các công ty được đề cập tới trong báo cáo này. SSI có thể đã, đang và sẽ tiếp tục cung cấp dịch vụ cho các công ty được đề cập tới trong báo cáo này. SSI sẽ không chịu trách nhiệm đối với tất cả hay bất kỳ thiệt hại nào hay sự kiện bị coi là thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay bất kỳ thông tin hoặc ý kiến nào của báo cáo này.

SSI nghiêm cấm việc sử dụng, và mọi sự in ấn, sao chép hay xuất bản toàn bộ hay từng phần bản Báo cáo này vì bất kỳ mục đích gì mà không có sự chấp thuận của SSI.

THÔNG TIN LIÊN HỆ

Trung tâm phân tích và tư vấn đầu tư

Hoàng Việt Phương

Giám đốc Trung Tâm phân tích và tư vấn đầu tư

phuonghv@ssi.com.vn

SĐT: (+84 – 24) 3936 6321 ext. 8729

Chiến lược thị trường

Nguyễn Lý Thu Nga

Chuyên viên phân tích cao cấp

nganlt@ssi.com.vn

SĐT: (+84 – 28) 3636 3688 ext. 3051

Nguyễn Trọng Đình Tâm

Chuyên viên phân tích

tamntd@ssi.com.vn

SĐT: (+84 – 24) 3936 6321 ext. 8713

Phân tích kỹ thuật

Lương Biện Nhân Quyền

Chuyên viên phân tích cao cấp

quyenlbn@ssi.com.vn

SĐT: (+84 – 24) 3936 6321

Trần Trung Kiên

Chuyên viên cao cấp Phân tích Định lượng

kientt@ssi.com.vn

SĐT: (+84 – 24) 3936 6321

Phân tích cổ phiếu KHCN

Ngô Thị Kim Thanh

Chuyên viên phân tích cao cấp

thanhntk@ssi.com.vn

SĐT: (+84 – 28) 3636 3688 ext. 3053

Nguyễn Thị Thanh Tú, CFA

Chuyên viên phân tích cao cấp

tuntt@ssi.com.vn

SĐT: (+84 – 24) 3936 6321 ext. 8718

Lê Huyền Trang

Chuyên viên phân tích cao cấp

tranglh@ssi.com.vn

SĐT: (+84 – 24) 3936 6321 ext. 8717

Dữ liệu

Nguyễn Thị Kim Tân

Chuyên viên hỗ trợ

tanntk@ssi.com.vn

Tel: (+84 – 24) 3936 6321 ext. 8715